

Số: 14 /QĐ-UBND

TP. Tây Ninh, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách
Nhà nước trên địa bàn Thành phố năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các
cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân
dân thành phố Tây Ninh, Khoá XII, Kỳ họp thứ 7 về dự toán thu ngân sách nhà
nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân
dân thành phố Tây Ninh, Khoá XII, kỳ họp thứ 7 về phân bổ ngân sách địa
phương năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố tại Tờ
trình số 04/TTr-PTCKH, ngày 05/01/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước
trên địa bàn Thành phố năm 2023 (đính kèm theo các biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng phòng
Tài chính - Kế hoạch Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và
Chủ tịch UBND phường, xã tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh TN;
- Sở Tài chính TN;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ
chức Chính trị - Xã hội TP;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP;
- Tòa án nhân dân TP;
- Lưu .VT

(5) *[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng Oanh

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 14 / QĐ-UBND ngày 09 /01/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Trong đó	
			Cấp huyện	Cấp XP
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP QUẢN LÝ (A+B)	897.966.000	820.238.000	77.728.000
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	872.850.000	795.663.000	77.187.000
I	Chi đầu tư phát triển	323.690.000	323.690.000	
1	Chi từ nguồn cân đối	217.900.000	217.900.000	
a	Vốn XDCB tập trung	86.900.000	86.900.000	
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	101.600.000	101.600.000	
c	Chi đầu tư tạo lập quỹ đất	25.400.000	25.400.000	
d	Chi ủy thác ngân hàng chính sách xã hội	4.000.000	4.000.000	
2	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	105.790.000	105.790.000	
a	Ngân sách tỉnh (XSKT)	100.000.000	100.000.000	
	Xây dựng nông thôn mới	30.000.000	30.000.000	
	Phát triển thành phố (Chính trang đô thị)	70.000.000	70.000.000	
b	Ngân sách Trung ương	5.790.000	5.790.000	
	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	5.790.000	5.790.000	
II	Chi thường xuyên (1)	531.830.000	456.093.734	75.736.266
1	Chi sự nghiệp kinh tế	83.827.235	80.414.099	3.413.136
a	Sự nghiệp giao thông: Trong đó:	10.583.652	10.583.652	0
	- KP sự nghiệp giao thông	10.000.000	10.000.000	
	- KP đảm bảo trật tự ATGT	583.652	583.652	
b	Sự nghiệp thị chính	39.077.974	39.077.974	
c	Chi Quy hoạch thương mại, du lịch...	3.000.000	3.000.000	
d	Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm	1.291.000	1.291.000	
e	SN kinh tế khác	26.461.473	26.461.473	
	+ Đội Quản lý trật tự đô thị	1.186.426	1.186.426	
	+ KP hỗ trợ địa phương SX lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP	389.000	389.000	
	+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về phát triển đô thị	24.000.000	24.000.000	
	+ Kinh phí hoạt động Trung tâm phát triển quỹ đất	886.047	886.047	
f	Sự nghiệp kinh tế cấp xã	3.413.136		3.413.136